

Classifica Rookie / Rookie Classification

				Imola						Misano						Monza						Vallelunga						Misano						Mugello					
				Round 1			Round 2			Round 3			Round 4			Round 5			Round 6			Round 7			Round 8			Round 9			Round 10			Round 11			Round 12		
Pos.	Driver	Valid Points	Total Points	Points	Ov. Pos.	Rookie Pos.	Points	Ov. Pos.	Rookie Pos.	Points	Ov. Pos.	Rookie Pos.	Points	Ov. Pos.	Rookie Pos.	Points	Ov. Pos.	Rookie Pos.	Points	Ov. Pos.	Rookie Pos.	Points	Ov. Pos.	Rookie Pos.	Points	Ov. Pos.	Rookie Pos.	Points	Ov. Pos.	Rookie Pos.	Points	Ov. Pos.	Rookie Pos.	Points	Ov. Pos.	Rookie Pos.			
1	Andrea Bristot	203	203	17	3	1	18	3*	2	27	1**	1	27	1**	1	28	1***	1	28	1***	1	2	24**	9	12	5	2	28	1***	1	16	4**	2						
2	Senna Van Soelen	139	139	17	4***	2	27	1**	1	3	13	6	1	27*	11	20	2	2	0	NC	NC	20	2	1	26	1*	1	0	NC	NC	25	1	1						
3	Harley Haughton	95	95	9	7	3	10	6	3	17	3	2	20	2	2	0	NC	NC	14	4	2	17	3	2	0	NC	NC	8	8	4	0	17	8						
4	Callum Voisin	60	60	0	22	10	7	9	4	-	-	-	-	-	-	17	3	3	0	25	7	14	4	3	0	NC	NC	14	4	2	8	8	3						
5	Marco Butti	55	55	7	9	5	3	13	5	10	6	3	12	5	3	8	8	4	3	13	4	-	-	-	-	-	-	12	5	3	0	18	9						
6	Cristian Bertuca	33	33	8	8	4	1	15	6	0	16	7	10	6	4	6	10	5	0	26	8	6	10	4	2	14	5	-	-	-	-	-	-						
7	Andrea D'Amico	18	18	1	15	7	0	18	8	0	NC	NC	3	13	6	0	20	8	10	6	3	4	12	6	0	17	7	-	-	-	-	-	-						
8	Paul De Prenter	17	17	0	21	9	-	-	10	0	NC	NC	0	28	12	0	NC	NC	0	28	9	5	11	5	6	10	3	0	NC	NC	6	10	4						
9	Benjamin Berta	14	14	0	16	8	0	21	9	4	12	5	0	NC	NC	1	15	7	1	15	5	0	18	8	3	13	4	0	19	7	5	11	5						
10	Nicolas Taylor	9	9	-	-	-	-	-	-	5	11	4	4	12	5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-						
11	Max Mutschlechner	6	6	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	14	5	4	12	6							
12	Ermanno Quintieri	5	5	5	11	6	0	16	7	0	NC	NC	0	20	9	0	NC	NC	0	NC	NC	0	NC	NC	-	-	-	0	16	6	0	NC	NC						
13	Karen Gaillard	3	3	0	NC	NC	-	-	-	0	20	8	0	21	10	2	14	6	0	19	6	0	17	7	1	15	6	0	25	9	0	16	7						
14	Filip Ugran	1	1	-	-	-	-	-	-	0	25	9	1	15	7	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-					
	Zachary Taylor	0	0	-	-	-	-	-	-	0	NC	NC	0	19	8	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-					
	Max Geoghegan	0	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0	21	8	0	24	10							

NC = Not classified

SQ = Disqualified

- = Not started

* Best Lap in race

** Pole Position

